

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 260/QĐ-SYT ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Quản lý hành chính		Sự nghiệp y tế
				Văn phòng Sở Y tế	Chi cục An toàn thực phẩm và Dân số	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
A	B	1	2	3	4	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-
1.1	Lệ phí	-	-	-	-	-
1.2	Phí	-	-	-	-	-
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-
2.1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-	-
2.2	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-		-	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-	-	-
3.1	Lệ phí	-	-	-	-	-
3.2	Phí	-	-	-	-	-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.315	6.315	1.000	2.135	3.180
1	Chi quản lý hành chính	(142)	(142)	-	(97)	(45)
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	(142)	(142)	-	(97)	(45)
-	Chính sách DS-KHHGĐ theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND	(97)	(97)		(97)	
-	Hỗ trợ hoạt động (i) phòng chống HIV-AIDS:75 triệu (ii) Hoạt động phòng chống sốt rét 65 triệu (iii) Hoạt động tiêm chủng mở rộng 155 triệu đồng (iv) hoạt động phòng chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản 145 triệu (v) Bộ tiêu chí Quốc gia Y tế xã 50 triệu (vi) Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản 80 triệu (vii) Hỗ trợ hoạt động quản lý chất lượng nước 65 triệu đồng	(17)	(17)			(17)

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Quản lý hành chính		Sự nghiệp y tế
				Văn phòng Sở Y tế	Chi cục An toàn thực phẩm và Dân số	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
A	B	1	2	3	4	6
-	Hỗ trợ hoạt động Phòng, chống SDD Trẻ em	(28)	(28)			(28)
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	298,3	298,3	298,3	-	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
2.2	Chi nhiệm vụ không thường xuyên	298,3	298,3	298,3	-	-
	Thuê đơn vị tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT các gói thầu cung cấp thuốc tập trung cấp địa phương giai đoạn 2025-2026 trên địa bàn tỉnh	298,3	298,3	298,3		-
3	Chi Chương trình mục tiêu, gắn mã lồng ghép đối ứng	6.159	6.159	702	2.232	3.225
3.1	Chi lồng ghép với đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia	142	142	-	97	45
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững	20	20	-	-	20
-	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	20	20	-	-	20
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	20	20			20
2	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn 1: 2021 -2025	122	122	-	97	25
-	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng; tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	122	122	-	97	25
	Chính sách DS-KHHGĐ theo Nghị quyết 36/NQ-HĐND	97	97		97	
	Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số	25	25			25
3.2	Bổ sung kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	6.017	6.017	702	2.135	3.180
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững	970	970	-	-	970
	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	970	970	-	-	970
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng					970
2	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn 1: 2021 -2025	5.047	5.047	702	2.135	2.210
-	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dâ tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	659	659	659	-	-
	Tiểu dự án 1 Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			659		
-	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng; tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	4.345	4.345	-	2.135	2.210
	Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Các hoạt động của Chi cục An toàn thực phẩm và dân số 1.205 triệu đồng, các hoạt động của Trung tâm Y tế các huyện, thành phố 930 triệu đồng)	2.135	2.135		2.135	

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Quản lý hành chính		Sự nghiệp y tế
				Văn phòng Sở Y tế	Chi cục An toàn thực phẩm và Dân số	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
A	B	1	2	3	4	6
	Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ trẻ em nhằm giảm tử cong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số (Các hoạt động của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật 250 triệu đồng, các hoạt động Trung tâm Y tế các huyện, thành phố 1.960 triệu đồng)	2.210	2.210			2.210
-	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	43	43	43	-	-
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình			43		